CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 33/THAI WAH/2022

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH THAI WAH VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô C1-6, Đường N8, Khu C1, Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3620 3522 Fax: 028 3620 3523

Email: doi.nguyen@thaiwah.com

Mã số doanh nghiệp: 0314220782

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 1674/GCNATTP-BQLATTP ngày cấp 20/04/2021, nơi cấp Ban Quản Lý An Toàn Thực Phẩm Thành Phố Hồ Chí Minh.

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: MIẾN DONG SONG LONG

2. Thành phần: Tinh bột đậu Hà Lan, chất ổn định (INS 1412), tinh bột khoai tây, tinh bột dong (10g/kg), chất làm rắn chắc (INS 466), phẩm màu tự nhiên (INS 150a), phẩm màu tổng hợp (INS 150d)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 3 năm kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất (MFD) và Hạn sử dụng (BBD) xem trên bao bì (ngày/tháng/năm).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh 40g; 80g; 200g

Chất liệu bao bì: Sản phẩm đựng trong bao nhựa LLDPE, tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. Bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

CÔNG TY TNHH THAI WAH VIỆT NAM

Lô C1-6, Đường N8, Khu C1, Khu công nghiệp Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

MẪU NHÃN SẢN PHẨM *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)*

III. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quyết định 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (đối với chỉ tiêu vi sinh vật Mục 6.5 bảng 1): Quy định giới hạn cho phép vi sinh vật trong ngũ cốc và sản phẩm ngũ cốc (có xử lý nhiệt trước khi sử dụng).

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10^6
2	Coliforms	cfu/g	10^3
3	*Escherichia coli*	cfu/g	10^2
4	*Staphylococcus aureus*	cfu/g	10^2
5	*Clostridium perfringens*	cfu/g	10^2
6	*Bacillus cereus*	cfu/g	10^2
7	Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	cfu/g	10^3

2. QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm: Nhóm ngũ cốc

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	0,1
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2

3. QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm: Nhóm ngũ cốc

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	4
3	Ochratoxin A	µg/kg	3
4	Deoxynivalenol	µg/kg	750
5	Zearalenone	µg/kg	75

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0314220782 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH THAI WAH VIỆT NAM
H. CỦ CHI - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Minh Đời

Nhãn sản phẩm 40g

Nhãn sản phẩm 80g

Nhãn sản phẩm 200g

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220100268-1

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY TNHH THAI WAH VIỆT NAM**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : Lô C1-6, đường N8, Khu C1, KCN Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 05/01/2022
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 05/01/2022
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 10/01/2022
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **MIẾN DONG SONG LONG**
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong túi zip
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
2	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
3	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
4	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	AOAC 975.55
5	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
6	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	AOAC 980.31
7	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	Ref. TCVN 8275-2 : 2010 (ISO 21527-2 : 2008)
8	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-02:2018(Ref. TCVN 10912:2015 AOAC 2015.01 FDA 4.7 version 1.1 (3/2015))
9	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.007	TS-KT-QP-02:2018(Ref. TCVN 10912:2015 AOAC 2015.01 FDA 4.7 version 1.1 (3/2015))

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220100268-1

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
10	Aflatoxin (tổng B_1,B_2,G_1,G_2) (*) / Aflatoxin (sum of B_1,B_2,G_1,G_2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.45	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
11	Aflatoxin B_1 (*) / Aflatoxin B_1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.45	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
12	Ochratoxin A / Ochratoxin A	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	1	TS-KT-SK-41:2018 (Ref. EUR 23657 EN – 2009)
13	Zearalenone / Zearalenone	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	20	TS-KT-SK-42:2018 (Ref. BS EN 15792:2009)
14	Deoxynivalenol / Deoxynivalenol	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	70	TS-KT-SK-45:2018 (Ref. AOAC 986.17)

Chú thích/ *Remarks*:
1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N:0314212615 - C.T.N.H - CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HỒ THỊ THANH PHƯƠNG